TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2021.
V/v: Ly hôn giữa anh M và chị H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

2 – Bà Quàng Thị Hỏa.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2021 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh LVM, sinh năm 1989, địa chỉ: Bản KV, xã NC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị LTH, sinh năm 1990. địa chỉ: Bản P, xã NC, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh LVM trình bày:

Anh và chị LTH kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã NC, huyện ML, tỉnh SL ngày 04/8/2010, do hai người tự nguyện. Đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm sống, từ đó sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn chị LTH.

Về con chung: Có hai con là LVM, sinh ngày 05/3/2012 và LĐD, sinh ngày 11/5/2016. Nguyện vọng anh xin được nuôi hai con và không yêu cầu chị LTH cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Số tiền tiết kiệm 20.000.000, đồng hiện nay chị LTH đang cầm, nay yêu cầu chia đôi chị LTH trả cho anh 10.000.000, đồng.

Tài sản riêng; nợ: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị LTH trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh LVM với chị LTH. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn anh LVM. Xác định mâu thuẫn vợ chồng như anh LVM trình bày không khắc phục được là đúng. Nay chị cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có hai con là LVM, sinh ngày 05/3/2012 và LĐD, sinh ngày 11/5/2016, nhất trí để anh LVM nuôi và chị không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Số tiền tiết kiệm 20.000.000, đồng hiện nay chị LTH đang cầm, nay yêu cầu chia theo nhân khẩu sáu người.

Tài sản riêng; nợ: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 61; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án.

Có căn cứ để xử cho anh LVM được ly hôn chị LTH.

Về con chung: Căn cứ nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với anh LVM, cần giao hai con là LVM, sinh ngày 05/3/2012 và LĐD, sinh ngày 11/5/2016 cho anh LVM trực tiếp nuôi hai con và chị LTH không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Số tiền tiết kiệm 20.000.000, đồng hiện nay chị LTH đang cầm, nay yêu cầu chia đôi chị LTH trả cho anh LVM 10.000.000, đồng.

Tài sản riêng; nợ: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh LVM chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh LVM và chị LTH phải chịu án phí chia tài sản theo phần được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị LTH sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bầy nguyện vọng, chị LTH đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã NC, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt chị LTH.

Anh LVM có đơn đề nghị được xử vắng mặt, theo quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt hai đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh LVM và chị LTH kết hôn có đăng ký, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do không hợp nhau. Hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng anh LVM và chị LTH đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh LVM và chị LTH yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho anh LVM được ly hôn chị LTH.

[3] Về con chung: Căn cứ điều kiện hiện cả hai đang ở với anh LVM và nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với anh LVM, cần giao hai con là LVM, sinh ngày 05/3/2012 và LĐD, sinh ngày 11/5/2016 cho anh LVM trực tiếp nuôi hai con và anh không yêu cầu chị LTH cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh LVM và chị LTH đều công nhận hiện nay con số tiền tiết kiệm là 20.000.000, đồng chị LTH đang cầm. Tại biên bản thỏa thuận ngày 30/5/2019 thì số tiền được chia theo nhân khẩu 06 người. Nay anh LVM thay đổi yêu cầu chia đôi cho hai người.

Cần căn cứ Điều 59, Điều 61 của Luật Hôn nhân và Gia đình để chia. Do số tiền này là tài sản chung của hai vợ chồng, nên cần chia đôi cho mỗi người hưởng một nửa. Chị LTH đang cầm tiền được hưởng 10.000.000, đồng và chị LTH phải trả cho anh LVM 10.000.000, đồng.

[5] Tài sản riêng; nợ: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh LVM chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh LVM và chị LTH phải chịu án phí chia tài sản theo phần được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 61; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho anh LVM được ly hôn chị LTH.

2. Về con chung: Giao hai con là LVM, sinh ngày 05/3/2012 và LĐD, sinh ngày 11/5/2016 cho anh LVM trực tiếp nuôi hai con và chị LTH không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung:

Chị LTH được hưởng số tiền tiết kiệm là 10.000.000, đồng (mười triệu đồng);

Chị LTH phải thanh toán trả cho anh LVM số tiền tiết kiệm là 10.000.000, đồng (mười triệu đồng).

4. Về án phí: Anh LVM phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002188 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL và 500.000, đồng (năm trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung.

Chị LTH phải chịu án phí dân sự chia tài sản chung là 500.000, đồng (năm trăm nghìn đồng).

Anh LVM và chị LTH được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã NC, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn